

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Nguyễn Bá Minh	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Nguyễn Thành Tài	Ủy viên	(Tái bổ nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Nguyễn Hiền Hòa	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Nguyễn Như Hà	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Đoàn Nam Anh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2021)
Ông Phùng Ngọc Quang	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24/05/2021)
Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24/05/2021)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24/05/2021)
Ông Nguyễn Hiền Hòa	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24/05/2021)
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24/05/2021)
Ông Kiên Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 24/05/2021)
Ông Trịnh Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 22/10/2021)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Lê Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Số: 057/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 04 tháng 3 năm 2022, từ trang 04 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

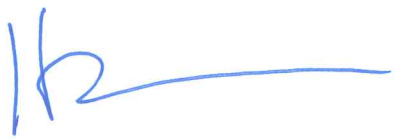
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.164.162.273	59.578.951.217
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.454.367.658	11.397.082.978
1. Tiền	111		4.454.367.658	3.397.082.978
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.600.000.000	4.600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	7.600.000.000	4.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.418.132.030	40.593.799.056
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.520.262.906	27.608.983.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.237.413.306	2.230.138.954
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.023.576.530	11.117.797.363
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(363.120.712)	(363.120.712)
IV. Hàng tồn kho	140	10	4.795.681.790	2.988.069.183
1. Hàng tồn kho	141		4.795.681.790	2.988.069.183
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		895.980.795	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		624.756.508	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	271.224.287	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.659.181.531	42.072.594.068
I. Tài sản cố định	220		33.692.842.775	35.308.796.650
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	33.491.312.179	34.946.878.458
- Nguyên giá	222		41.236.936.756	41.236.936.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.745.624.577)	(6.290.058.298)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	201.530.596	361.918.192
- Nguyên giá	228		1.090.797.838	1.090.797.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(889.267.242)	(728.879.646)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.763.291	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.763.291	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	6.394.457.462	6.394.663.122
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		4.175.749.605	4.175.749.605
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.375.000.000	2.375.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(156.292.143)	(156.086.483)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		328.118.003	369.134.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	328.118.003	369.134.296
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		103.823.343.804	101.651.545.285

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		48.538.262.853	44.730.383.800
I. Nợ ngắn hạn	310		47.934.145.353	44.094.266.300
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.059.946.590	3.867.817.763
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	22.502.205.869	18.567.790.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	5.728.790	694.851.823
4. Phải trả người lao động	314		5.159.688.350	7.555.144.142
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	132.928.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		303.197.454	285.871.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	15.465.767.180	11.302.251.022
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.437.611.120	1.687.611.120
II. Nợ dài hạn	330		604.117.500	636.117.500
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	604.117.500	636.117.500
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.285.080.951	56.921.161.485
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	55.275.080.951	56.911.161.485
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.754.235	28.754.235
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.580.149.036	14.580.149.036
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.666.177.680	6.302.258.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.652.258.214	1.696.763.118
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.013.919.466	4.605.495.096
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.000.000	10.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		103.823.343.804	101.651.545.285



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Ngô Lan Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		95.020.525.669	111.058.300.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	95.020.525.669	111.058.300.669
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	84.165.853.734	97.527.766.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.854.671.935	13.530.533.733
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	825.672.947	1.164.911.632
7. Chi phí tài chính	22	24	8.223.797	13.705.322
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.364.330.101	10.076.867.412
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		1.307.790.984	4.604.872.631
10. Thu nhập khác	31	27	2.268.464.239	849.780.897
11. Chi phí khác	32	28	120.072.163	157.243.017
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.148.392.076	692.537.880
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.456.183.060	5.297.410.511
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	442.263.594	691.915.415
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.013.919.466	4.605.495.096
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	837	988



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Ngô Lan Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.456.183.060	5.297.410.511
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.615.953.875	1.264.122.230
- Các khoản dự phòng	03	205.660	192.497.513
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.528.677	674.711
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(824.370.809)	(1.084.126.932)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.250.500.463	5.670.578.033
- Giảm các khoản phải thu	09	2.616.587.645	(5.459.726.947)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.807.612.607)	1.127.016.746
- Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.930.596.654	4.344.248.390
- Giảm chi phí trả trước	12	41.016.293	231.342.950
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(809.178.908)	(473.345.618)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(300.000.000)	(366.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.921.909.540	5.074.113.554
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(69.133.860)	(475.789.753)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(1.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	809.968.617	960.946.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.259.165.243)	(514.843.643)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.602.930.940)	(4.320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.602.930.940)	(4.320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.059.813.357	239.269.911
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.397.082.978	11.158.487.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.528.677)	(674.711)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	12.454.367.658	11.397.082.978



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Ngô Lan Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội Thiết kế Công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch Thành phố thuộc Bộ Kiến trúc; Viện Thiết kế Công trình Kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp Thiết kế Cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 05 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 04 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 05 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0100104972.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 204 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 239 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình điện;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty là:

Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát thiết kế, quản lý dự án bao gồm: Lập và thẩm tra các báo cáo đầu tư; Dự án đầu tư xây dựng công trình; Báo cáo kinh tế kỹ thuật; Hồ sơ thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công, lắp đặt cho các công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	Số 179 Đinh Tiên Hoàng, phường Dakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	48,81%	48,81%	Tư vấn
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các nội dung sửa đổi theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phân thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	40
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với phần mềm máy tính được khấu hao với thời gian 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản phí bảo trì cho sản phẩm tòa nhà được phân bổ dựa theo thời gian đưa vào sử dụng của tài sản cố định.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được các bên xác nhận nghiệm thu. Các khoản chi phí hợp đồng xây dựng có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là: Tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, xây dựng các công trình công ích và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	624.396.609	691.320.214
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.829.971.049	2.705.762.764
Các khoản tương đương tiền (i)	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	12.454.367.658	11.397.082.978

Ghi chú:

(i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	7.600.000.000	4.600.000.000
	7.600.000.000	4.600.000.000

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban quản lý Dự án Chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.216.512.100	1.049.367.100
Ban quản lý Dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	3.997.779.500	5.419.837.500
Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải phòng	1.068.598.687	987.022.187
Ban quản lý Đầu tư xây dựng Công trình Giao thông Đô thị Thành phố	8.412.456	2.183.344.140
Văn phòng Tư vấn giám sát thi công Hợp phần Thoát nước mưa, nước thải tại Hải Phòng	-	1.700.734.010
Công ty Cổ phần Cấp nước Cửa Lò	4.205.728.368	1.921.421.706
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh	2.290.036.000	85.801.000
Các đối tượng khác	8.733.195.795	14.261.455.808
Cộng	21.520.262.906	27.608.983.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Lạc Việt	924.000.000		-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Vương	-		648.299.784	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Năng lượng tái tạo	-		499.590.000	
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Dương	-		247.971.841	
Công ty Cổ phần Xây dựng DILEC	-		607.763.600	
Các đối tượng khác	313.413.306		226.513.729	
Cộng	1.237.413.306		2.230.138.954	

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng CBCNV (i)	11.752.308.401	-	9.128.161.597	-
Phải thu khác	3.271.268.129	-	1.989.635.766	-
- Phải thu người lao động (ii)	2.398.431.801	-	1.357.856.432	-
- Phải thu về thuế TNCN	528.037.318	-	226.033.501	-
- Các khoản phải thu khác	344.799.010	-	405.745.833	-
Cộng	15.023.576.530	-	11.117.797.363	-

Ghi chú:

- (i) Tiền tạm ứng là khoản tiền Công ty cho người lao động vay để thực hiện nhiệm vụ SXKD hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- (ii) Phải thu người lao động là khoản tiền Công ty ứng trước tiền lương cho người lao động thực hiện nhiệm vụ của các hợp đồng kinh tế chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ báo cáo.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Oriental Consultants Co., Ltd	24.206.948	-	24.206.948	-
Ông Nguyễn Việt Thành	84.049.777	-	84.049.777	-
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	2.455.893	-	2.455.893	-
Công ty Cổ phần Toàn Thịnh Phát	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Công Chánh	421.130.581	280.791.406	421.130.581	280.791.406
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	12.607.344	9.168.977	12.607.344	9.168.977
Ban quản lý Dự án Vùng phụ cận Thành phố Vinh	299.687.356	251.056.804	299.687.356	251.056.804
Cộng	904.137.899	541.017.187	904.137.899	541.017.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.795.681.790	-	2.988.069.183	-
	4.795.681.790	-	2.988.069.183	-

Chi tiết các dự án thực hiện dở dang cuối năm như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dịch vụ kỹ thuật, giám sát thi công cho dự án cải thiện môi trường nước Thành phố Hồ Chí Minh, lưu vực kênh Tàu Hũ - Bến Nghé - Đồi Tê (Giai đoạn 2)	864.020.000	-	168.420.000	-
Dịch vụ tư vấn, giám sát thi công hợp phần nước mua nước thải, Hải phòng (JICA)	-	-	1.027.581.900	-
Khảo sát, lập dự án Đầu tư xây dựng mạng đường ống cấp 3 thu gom và đấu nối NTSH hộ gia đình tại Thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	327.806.192	-	327.806.192	-
Thi công xây lắp trạm chức năng khu đô thị Việt Hưng - Long Biên - Hà Nội	332.263.202	-	332.263.202	-
Các dự án khác	3.271.592.396	-	1.131.997.889	-
	4.795.681.790	-	2.988.069.183	-

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	446.803.960	5.189.982.540	5.636.786.500	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.133.204	493.538.529	604.671.733	-
Thuế thu nhập cá nhân	127.378.924	997.516.247	1.124.895.171	-
Thuế tài nguyên	9.535.735	66.684.218	70.491.163	5.728.790
Các loại thuế khác	-	285.188.810	285.188.810	-
Cộng	694.851.823	7.032.910.344	7.722.033.377	5.728.790
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	-	204.507.175	204.507.175
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	66.717.112	66.717.112
Cộng	-	-	271.224.287	271.224.287

Ghi chú:

- (i) Bao gồm số tiền truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 và năm 2020 theo Biên bản thanh tra thuế số 54657/QĐ-CTHN-TTKT7-XPVPHC ngày 15/12/2021 với giá trị 202.674.213 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	29.566.515.435	10.092.300.924	781.938.647	796.181.750	41.236.936.756
Số dư cuối năm	29.566.515.435	10.092.300.924	781.938.647	796.181.750	41.236.936.756
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2.614.448.399	2.980.198.410	681.509.903	13.901.586	6.290.058.298
Khấu hao trong năm	750.964.860	575.988.168	14.873.003	113.740.248	1.455.566.279
Số dư cuối năm	3.365.413.259	3.556.186.578	696.382.906	127.641.834	7.745.624.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	26.952.067.036	7.112.102.514	100.428.744	782.280.164	34.946.878.458
Số dư cuối năm	26.201.102.176	6.536.114.346	85.555.741	668.539.916	33.491.312.179

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 933.422.364 VND (tại ngày 30/12/2020 là 692.115.348 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.090.797.838	1.090.797.838
Số dư cuối năm	1.090.797.838	1.090.797.838
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	728.879.646	728.879.646
Khấu hao trong năm	160.387.596	160.387.596
Số dư cuối năm	889.267.242	889.267.242
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	361.918.192	361.918.192
Số dư cuối năm	201.530.596	201.530.596

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 288.859.900 VND (tại ngày 30/12/2020 là 288.859.900 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Đầu tư vào Công ty liên kết</i>	<i>4.175.749.605</i>	-	(i)	<i>4.175.749.605</i>	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	1.855.800.000	-	(i)	1.855.800.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông	1.385.860.000	-	(i)	1.385.860.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	934.089.605	-	(i)	934.089.605	-	(i)
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>2.375.000.000</i>	<i>(156.292.143)</i>	(i)	<i>2.375.000.000</i>	<i>(156.086.483)</i>	(i)
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama Land	375.000.000	-	(i)	375.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Bất động sản An Việt	2.000.000.000	(156.292.143)	(i)	2.000.000.000	(156.086.483)	(i)
Cộng	6.550.749.605	(156.292.143)	(i)	6.550.749.605	(156.086.483)	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính (ngoại trừ các khoản đầu tư có giá niêm yết trên thị trường). Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát.

Ngoài ra tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết trong năm như sau:

- Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn: Lợi nhuận sau thuế của năm 2021 là 592.197.899 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 là 985.401.627 VND.
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông: Lợi nhuận sau thuế của năm 2021 là 151.422.580 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 là 151.422.580 VND.
- Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt: Lợi nhuận sau thuế của năm 2021 là 220.249.914 VND; Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 là 220.249.914 VND.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	<i>328.118.003</i>	<i>369.134.296</i>
Chi phí bảo trì sản văn phòng	70.433.608	369.134.296
Công cụ dụng cụ xuất dùng	257.684.395	-
Cộng	328.118.003	369.134.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>2.059.946.590</i>	<i>2.059.946.590</i>	<i>3.867.817.763</i>	<i>3.867.817.763</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Vương	356.589.643	356.589.643	221.118.804	221.118.804
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	47.510.070	47.510.070	479.640.040	479.640.040
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	199.620	199.620	412.873.662	412.873.662
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu Khí - Ban điều hành Dự án 97 - 99 Láng Hạ	605.200.000	605.200.000	605.200.000	605.200.000
Công ty Cổ phần Tư vấn T27	566.984.000	566.984.000	1.700.952.000	1.700.952.000
Các đối tượng khác	483.463.257	483.463.257	448.033.257	448.033.257
<i>- Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>47.709.690</i>	<i>47.709.690</i>	<i>892.513.702</i>	<i>892.513.702</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	47.510.070	47.510.070	479.640.040	479.640.040
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	199.620	199.620	412.873.662	412.873.662
Cộng	2.059.946.590	2.059.946.590	3.867.817.763	3.867.817.763

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban quản lý Dự án Môi trường bền vững Phan Rang	-	2.544.126.024
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Vinh	8.800.000.000	1.695.268.500
Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà-BQLDA nước sạch sông Đà	4.937.642.900	1.760.000.000
Công ty Cổ phần Nước Aquaone Long An	3.600.000.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng số 2 TP Bắc Giang	-	1.570.416.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Đà Nẵng	-	1.044.933.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hậu Giang	848.250.000	1.560.000.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng	-	1.146.840.000
Các đối tượng khác	4.316.312.969	7.246.207.088
Cộng	22.502.205.869	18.567.790.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.465.767.180	11.302.251.022
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	40.000.000
Phải trả CBCNV nhận khoán:	15.433.767.180	11.262.251.022
Ông Nguyễn Hiền Hòa	267.777.976	1.502.162.385
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	4.559.290.403	1.726.981.321
Ông Chu Linh Ngọc	829.019.034	1.466.682.368
Ông Lê Văn Dương	1.164.698.051	1.073.238.359
Các đối tượng khác	8.612.981.716	5.493.186.589
b) Dài hạn	604.117.500	636.117.500
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	604.117.500	636.117.500
Cộng	16.069.884.680	11.938.368.522

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình biến động Vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	28.754.235	14.580.149.036	6.516.763.118	57.125.666.389
Lãi trong năm	-	-	-	4.605.495.096	4.605.495.096
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.820.000.000)	(4.820.000.000)
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	28.754.235	14.580.149.036	6.302.258.214	56.911.161.485
Lãi trong năm	-	-	-	3.013.919.466	3.013.919.466
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(4.650.000.000)	(4.650.000.000)
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	28.754.235	14.580.149.036	4.666.177.680	55.275.080.951

Ghi chú:

(i) Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHCĐ-VIWASE ngày 26 tháng 04 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Chia cổ tức với tỷ lệ 10%/cổ phần, tương đương là 3.600.000.000 VND;
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty là 300.000.000 VND;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 750.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 01 năm 2019 vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối năm			Số đầu năm		
	SL cổ phiếu	VND	%	SL cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35%	1.272.600	12.726.000.000	35,35%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65%	2.327.400	23.274.000.000	64,65%
Cộng	3.600.000	36.000.000.000	100%	3.600.000	36.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.600.000.000	4.320.000.000
<i>d) Cổ phiếu</i>	Năm nay	Năm trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	491,19	555,46
- EUR	212,26	223,84

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	90.850.239.200	107.952.630.746
Doanh thu vật tư, xây lắp, phân tích mẫu nước	2.836.602.109	1.984.044.723
Doanh thu kinh doanh nước sạch	1.333.684.360	1.121.625.200
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.020.525.669	111.058.300.669

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	80.310.953.106	94.498.492.728
Giá vốn vật tư, xây lắp và phân tích mẫu nước	2.728.918.438	1.873.724.095
Giá vốn kinh doanh nước sạch	1.125.982.190	1.155.550.113
Cộng	84.165.853.734	97.527.766.936

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	490.712.527	587.991.132
Cổ tức, lợi nhuận được chia	334.052.800	496.135.800
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	907.620	80.784.700
Cộng	825.672.947	1.164.911.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.489.460	13.615.903
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.528.677	-
Chi phí tài chính khác	205.660	89.419
Cộng	8.223.797	13.705.322

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.761.275.500	4.453.354.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	24.115.908	116.986.601
Chi phí khấu hao TSCĐ	447.597.648	459.835.354
Thuế, phí và lệ phí	87.782.586	101.963.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.868.396.257	2.930.837.517
Dự phòng phải thu khó đòi	-	192.408.094
Chi phí bằng tiền khác	2.175.162.202	1.821.481.581
Cộng	10.364.330.101	10.076.867.412

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	330.563.020	395.081.900
Chi phí nhân công	39.975.682.332	47.845.237.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.615.953.875	1.264.122.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.129.040.313	7.354.278.250
Chi phí khác bằng tiền	48.286.556.902	49.868.272.052
Cộng	96.337.796.442	106.726.991.476

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê căn hộ, văn phòng, thang máy...	2.268.409.539	849.779.794
Thu nhập khác	54.700	1.103
Cộng	2.268.464.239	849.780.897

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền phạt thuế, truy thu thuế	100.418.802	13.517
Phí quản lý bất động sản cho thuê	19.653.361	157.229.500
Cộng	120.072.163	157.243.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.456.183.060	5.297.410.511
Điều chỉnh cho các khoản:		
Các khoản điều chỉnh tăng	175.153.139	265.172.224
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	72.000.000	72.000.000
- Tiền phạt, truy thu thuế	100.418.802	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.528.677	674.711
- Dự phòng phải thu khó đòi	205.660	192.497.513
Các khoản điều chỉnh giảm	(472.310.525)	(620.329.771)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(334.052.800)	(496.135.800)
- Lãi dự thu	(137.583.014)	(123.180.822)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá năm trước	(674.711)	(1.013.149)
Thu nhập chịu thuế	3.159.025.674	4.942.252.964
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế miễn giảm (i)	189.541.540	296.535.178
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	442.263.594	691.915.415

Ghi chú:

- (i) Căn cứ vào Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Quốc hội về giảm thuế TNDN năm 2021, Công ty có doanh thu không quá 200 tỷ đồng và doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2019 nên được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2021.

Trong năm, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	3.013.919.466	4.605.495.096
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.050.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.013.919.466	3.555.495.096
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	837	988
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

- (*) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021.

Đồng thời, Công ty trình bày lại chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính năm trước theo số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên Báo cáo năm trước là 1.279 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(12.454.367.658)	(11.397.082.978)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	55.275.080.951	56.911.161.485
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.454.367.658	11.397.082.978
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.428.410.323	29.235.498.505
Đầu tư tài chính	13.994.457.462	10.994.663.122
Tổng cộng	50.877.235.443	51.627.244.605
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	18.129.831.270	15.806.186.285
Chi phí phải trả	-	132.928.000
Tổng cộng	18.129.831.270	15.939.114.285

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo này do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.454.367.658	-	12.454.367.658
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.428.410.323	-	24.428.410.323
Đầu tư tài chính	7.600.000.000	6.394.457.462	13.994.457.462
Tổng cộng	44.482.777.981	6.394.457.462	50.877.235.443
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.525.713.770	604.117.500	18.129.831.270
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	17.525.713.770	604.117.500	18.129.831.270
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.957.064.211	5.790.339.962	32.747.404.173
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.397.082.978	-	11.397.082.978
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.235.498.505	-	29.235.498.505
Đầu tư tài chính	4.600.000.000	6.394.663.122	10.994.663.122
Tổng cộng	45.232.581.483	6.394.663.122	51.627.244.605
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	15.170.068.785	636.117.500	15.806.186.285
Chi phí phải trả	132.928.000	-	132.928.000
Tổng cộng	15.302.996.785	636.117.500	15.939.114.285
Chênh lệch thanh khoản thuần	29.929.584.698	5.758.545.622	35.688.130.320

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 137.583.014 VND là lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa được thanh toán và đã bao gồm 123.180.822 VND là lãi tiền gửi phát sinh năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng 14.402.192 VND đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCPC	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	Công ty liên kết
Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài các số dư đã được trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	1.922.732.581	1.388.052.578
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	1.913.207.782	2.073.230.745
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	-	40.909.091
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	159.918.110	143.987.726
Nhận cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	148.464.000	241.254.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông	110.868.800	180.161.800
Công ty Cổ phần Đầu tư, Công nghệ Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Lạc Việt	74.720.000	74.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Ông Nguyễn Thanh Hải	329.000.000	303.200.000
Ông Nguyễn Như Hà	8.000.000	24.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	32.000.000	24.000.000
Ông Đoàn Nam Anh	8.000.000	24.000.000
Ông Phùng Ngọc Quang	8.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Bá Minh	32.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thành Tài	32.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	24.000.000	-
Ông Nguyễn Hiền Hòa	24.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thành	24.000.000	-
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Ông Lê Văn Tuấn	254.900.000	258.000.000
Ông Nguyễn Thành Tài	201.410.000	196.648.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	198.750.000	195.600.000
Ông Nguyễn Hiền Hòa	192.560.000	192.000.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	192.560.000	192.000.000
Ông Kiên Hùng	207.610.000	204.000.000
Ông Trịnh Xuân Thịnh	47.535.000	-
Tổng cộng	1.816.325.000	1.685.448.000

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Ngô Lan Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo
Người lập biểu